

# BÁO CÁO TỔNG KẾT NĂM HỌC 2004-2005

TS. NGUYỄN DŨNG

## 1. Bối cảnh

Năm học 2004-2005 có nhiều sự kiện lớn của đất nước: kỷ niệm 75 năm ngày thành lập Đảng CSVN, 30 năm ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, 115 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, 60 năm ngày thành lập nước CHXHCN Việt Nam. Đồng thời, cũng là dịp kỷ niệm 10 năm thành lập trường.

### • Thuận lợi:

Năm học 04 – 05 là năm học thứ 10 của Trường, là một năm học được chuẩn bị khá kỹ về mặt tư tưởng và tình cảm. Một phong trào thi đua chào mừng những ngày lễ lớn của dân tộc trong năm 2005 và 10 năm ngày thành lập trường đã được phát động trong giảng viên, cán bộ và sinh viên.

### • Khó khăn:

Chủ quan: trong bối cảnh phải triển khai nhiều hoạt động, chúng ta thiếu tiền, thiếu thời gian và thiếu nhân lực. Khách quan: đòi hỏi của xã hội ngày càng cao về chất lượng đào tạo và quản lý hoạt động của Nhà trường, khiến cho nhiều việc không thể chần chừ. Trong năm, giá sinh hoạt tăng, ảnh hưởng đến đời sống CB, NV.

Nhìn chung, năm học vừa qua chúng ta đã đạt được mục tiêu đề ra là tiếp tục giữ vững ổn định các mặt hoạt động của trường, tạo tiền đề vững chắc cho

bước chuyển cơ bản về chất lượng đào tạo trong các năm tiếp theo.

## 2. Tổ chức, quản lý

– Tổng kết 10 năm hoạt động, chúng ta đã rà soát lại và khẳng định cơ cấu ngành từ khi thành lập trường là đúng đắn, đồng thời xác định việc mở thêm ngành Mỹ thuật công nghiệp là đúng đắn. Đối với bậc THCN, đã mở rộng thêm ngành để giảm áp lực cho ngành Kế toán và Du lịch, nhất là áp lực về chỗ thực tập. Từ nhận định đó năm qua trường đã chuẩn bị tốt tiền đề cho mùa tuyển sinh năm 2005. Đồng thời, trước thực tế khó tuyển ngành Điện lạnh, CNTT và Tiếng Anh, Hội đồng khoa học và đào tạo đã tham mưu cho nhà trường từng bước điều chỉnh mục tiêu, chương trình và quản lý đào tạo của các ngành này, chuẩn bị cho bước phát triển tiếp theo.

– Cùng cố tổ chức của các đơn vị đào tạo và trực tiếp phục vụ đào tạo: bổ sung cán bộ quản lý các Khoa Du lịch, CNTT; bổ sung người cho Phòng ĐT; thành lập các tổ kỹ thuật phòng giảng, luân chuyển cán bộ giữa 2 Phòng PVHĐ; luân chuyển cán bộ chung trong toàn trường; giải thể Ban khảo thí, chuyển chức năng tổ chức các kỳ thi học kỳ và thi tốt nghiệp cho Phòng ĐT; bổ sung cán bộ làm công tác sinh viên học sinh toàn trường kết hợp chặt chẽ với xây dựng tổ chức Đoàn TN và Hội SV.

– Củng cố hệ thống văn bản pháp quy của trường: kiểm điểm tình hình thực hiện quy định quản lý tài chính, tài sản; điều chỉnh, bổ sung hướng dẫn công tác thi đua; tổ chức hội nghị bàn về hệ thống các quy định trong công tác đào tạo; ban hành phương án bảo vệ an ninh trường học; ban hành phương án phòng chống thảm họa cho 2 cơ sở.

Nhìn chung, những hoạt động kể trên đã mang lại hiệu quả rõ rệt.

### **3. Xây dựng đội ngũ cán bộ**

– Về số lượng: trong năm học, số lượng giảng viên cơ hữu hiện nay là 104, trong năm có giảm bớt 16 người trong đó có 13 Thạc sĩ, Tiến sĩ. Trong khi đó, số sinh viên, học sinh có tăng so với năm trước.

– Về chất lượng: năm qua, chúng ta tiến thêm 1 bước quan trọng trong việc đánh giá chất lượng giảng dạy của đội ngũ giảng viên (cơ hữu và thỉnh giảng) bằng việc tổ chức thăm dò ý kiến của sinh viên học sinh với bảng 19 câu hỏi thống nhất toàn trường. Tổng cộng có 16784 phiếu trả lời, toàn bộ đã được xử lý, giúp cho BGH có thêm cơ sở đánh giá chất lượng giảng dạy của đội ngũ giảng viên.

– Tổ chức Đảng vững mạnh, thực sự phát huy vai trò hạt nhân chính trị lãnh đạo đảm bảo thực hiện đường lối giáo dục của Đảng trong mọi hoạt động của nhà trường. Đại hội Đảng bộ lần thứ 3 đã thành công tốt đẹp.

– Công đoàn trường hoạt động mạnh và hiệu quả, góp phần quan trọng củng cố đoàn kết trong CB, GV, NV.

Bên cạnh việc phát huy nhiều sáng kiến chăm lo đời sống vật chất của người lao động, Công đoàn đã luôn động viên anh chị em phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn được giao, thông qua con đường này đảm bảo sự thăng tiến trong nghề nghiệp của mỗi người.

### **4. Đội ngũ sinh viên:**

– Tuyển sinh đủ chỉ tiêu, đúng quy chế, chất lượng khá, kể cả THCN. Các hoạt động của svhs trong năm qua nhìn chung đạt kết quả tốt trên tất cả các mặt, nhờ kết hợp nhuần nhuyễn với phong trào thi đua chào mừng 10 năm kỷ niệm thành lập trường.

– Những nét mới có thể kể đến: số lượng sinh viên học sinh vay được vốn ngân hàng CSXH tăng lên; đoàn svhs tiêu biểu năm nay xác định nội dung quan trọng là thăm Đức Phổ, Quảng Ngãi, vùng quê gắn liền với cuốn nhật ký của Liệt sĩ Đặng Thuỳ Trâm, khiến cho chuyến đi thành công đặc biệt; đăng cai giải bóng đá các trường ngoài công lập sau nhiều năm không tham gia và đạt mục tiêu đề ra: giành giải phong cách, xứng đáng truyền thống trọng đạo đức của trường; ...

Nhược điểm: cần tiếp tục rèn luyện tinh thần tình nguyện trong mọi hoạt động để tinh thần này trở thành phẩm chất cơ bản của thanh niên.

### **5. Giảng dạy và học tập:**

– Hoạt động quan trọng nhất trong năm qua là tiến hành điều chỉnh chương trình của tất cả các ngành, trong đó có 7 ngành đã có Chương trình khung của Bộ GD&ĐT, còn lại mới có tài liệu hướng dẫn. Một số đã tương đối hoàn chỉnh (TC, KT, QTDL,

HDDL, TM, CNMT, CNSH, XD, QTKD); một số đã làm được vòng 1, đang tiếp tục hoàn thiện (CNTT, Kiến trúc, NN, ĐL, MTCN). Một số chương trình đã rút thời gian đào tạo từ 4 năm rưỡi còn 4 năm (CNTT, HDDL, MTCN). Để đạt được kết quả này, Hội đồng khoa học và đào tạo cấp khoa và cấp trường đã làm việc tích cực, đúng hướng và hiệu quả. Phần lớn chúng ta đã nhận thức được rằng chương trình đào tạo là khâu đầu tiên quyết định chất lượng đào tạo – mục tiêu tồn tại của trường chúng ta. Công việc sắp tới trong lĩnh vực này: cụ thể hoá nội dung các môn học bằng các đề cương chi tiết để trường có thể hoàn thành việc công bố toàn bộ chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở Chương trình khung.

– Tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy. Năm qua trường đã có nhiều hoạt động cụ thể và đã đạt được những kết quả đáng khích lệ trong lĩnh vực này. Thay đổi cách dạy đã bắt đầu làm thay đổi cách học của sinh viên. Đó cũng là thành công lớn nhất trong lĩnh vực này. Năm qua chúng ta cũng tiếp tục đẩy mạnh dạy mô phỏng trong ngành kế toán, mở rộng cách dạy này cho 2 ngành tài chính và tín dụng; đã chuyển toàn bộ chương trình Tin học căn bản của toàn trường sang dạy thực hành ở phòng máy. Mạng thông tin nội bộ được củng cố theo hướng tạo điều kiện cho người dạy và người học đạt hiệu quả cao hơn.

– Quản lý đào tạo có những tiến bộ rõ rệt. Trong quá trình trực tiếp phục vụ các đợt thi học kỳ và xét tốt nghiệp, đã hình thành nhiều quyết định làm nên những con số có ý nghĩa. Đó là lần đầu tiên trong 7 năm kể từ khi có sinh viên

ra trường, chúng ta đạt tỷ lệ tốt nghiệp lần đầu trên 80%.

– Thiếu sót: một bộ phận trong cán bộ, giảng viên chưa nhận thức hết tầm quan trọng của việc phải nhanh chóng hoàn thiện chương trình đào tạo của từng ngành trong cuộc phấn đấu nâng cao chất lượng đào tạo. Sự tiến bộ của công tác quản lý đào tạo chưa đồng đều ở các khâu của quá trình đào tạo, ở các đơn vị đào tạo.

## 6. Nghiên cứu khoa học

– Trong năm trường tổ chức và tham gia nhiều hội nghị và hội thảo khoa học về nâng cao chất lượng đào tạo, về xây dựng đội ngũ, về quản lý và điều hành. Trong số đó, quan trọng nhất là Hội thảo khoa học “Văn Lang với 10 năm xã hội hoá giáo dục” do Hội đồng Quản trị tổ chức nhân dịp 10 năm thành lập trường, với sự bảo trợ của Hội đồng Quốc gia giáo dục và sự tham gia của đông đảo các nhà giáo và các nhà quản lý giáo dục trong và ngoài trường.

– Trong năm học khoa CNMT có 5 đề tài của cán bộ, tất cả đều xuất phát từ nhu cầu thực tế, tổng giá trị 710 triệu đồng.

– Các đề tài NCKH của sinh viên: có 55 đề tài đã được nghiệm thu; gửi dự thi cấp Bộ GD&ĐT 5 đề tài và cấp Thành đoàn 11 đề tài.

– Cũng trong năm học thứ 10 này, trường đã xuất bản nhiều ấn phẩm có giá trị: 2 số Nội san thường kỳ, Kỷ yếu 10 năm trường ĐHDL Văn Lang, bản tin đều đặn trên website. Ngoài ra Khoa Tài chính Kế toán, Khoa CNMT cũng ra

Kỹ yếu riêng của khoa mình.

Nhược điểm: Nhìn chung, nghiên cứu khoa học trong giảng viên vẫn là khâu yếu của trường, cần khắc phục trong năm tới, trước hết là về mặt nhận thức, cần coi NCKH vừa là nhiệm vụ, vừa là quyền lợi của giảng viên đại học; mặt khác, nhà trường cũng cần tìm giải pháp hữu hiệu để cải thiện tình hình.

### 7. Cơ sở vật chất

– Thành tích lớn nhất trong năm qua là trường ta đã giữ gìn được 2 cơ sở an toàn, ít xuống cấp, thường xuyên sạch đẹp. Trên cơ sở đó, đã khai thác có hiệu quả phục vụ yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, phục vụ các hoạt động phong phú và đa dạng trong dịp kỷ niệm 10 năm thành lập trường. Ngoài ra, chúng ta đã xây dựng thêm hoá thất ở tầng trệt CS1, đã trang bị thêm nhiều công cụ dạy học hiện đại, đã cải tạo nhiều thiết bị sử dụng điện ở cả 2 cơ sở nhằm đảm bảo an toàn và tiết kiệm, đã tổ chức bộ phận kỹ thuật phòng giảng ở 2 cơ sở. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ để khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất cũng là nét nổi bật trong năm qua. Đã khảo sát móng và kết cấu nhà 45 Nguyễn Khắc Nhu, đã cải tạo mở rộng diện tích Thư viện CS1. Nhân dịp kỷ niệm 10 năm thành lập trường, chúng ta đã đầu tư nhiều cho việc chỉnh trang 2 cơ sở, kể cả lát lại vỉa hè CS1, tráng nhựa hẻm dẫn vào CS2 và chủ động tạo lập các mối liên kết với các trường Phổ thông, Dạy nghề xung quanh cùng nhau xây dựng Cụm văn hoá học đường, được địa phương ủng hộ. Trong kết quả chung ấy, cán bộ và

nhân viên của 2 Phòng PVHĐ đã có những đóng góp quan trọng.

– Tăng thêm đáng kể về số lượng, nâng cấp về chất lượng máy tính cho các văn phòng khoa, văn phòng trường, mở thêm phòng truy cập Internet của hệ thống mạng nội bộ phục vụ đào tạo.

– Để tiếp tục hoàn chỉnh cơ sở vật chất, năm qua trường đã hết sức cố gắng tranh thủ mọi điều kiện để thực hiện đền bù giải toả khu đất ở Gò Vấp. Tuy nhiên, do nhiều lý do khách quan, công việc vẫn chưa đi đến kết quả cuối cùng.

### 8. Tài chính

– Đảm bảo nguồn thu chính là học phí được sử dụng đúng mục đích và mang lại hiệu quả.

Đầu năm có điều chỉnh học phí của Khoá 10 lên bình quân 8%.

Nguồn thu ngoài học phí: 1,41 tỷ (các lớp của Đề án 112 thu 571 triệu, các hợp đồng nghiên cứu của khoa CNMT thu 474 triệu, giữ xe 178 triệu, căn tin thu 103 triệu,...). Chi: trực tiếp phục vụ giảng dạy chiếm 37% tổng chi; chi cho cơ sở vật chất phục vụ đào tạo chiếm 20%; chi cho công tác điều hành 4,8%; chi lương 20,3%. Riêng trong năm qua, có thêm khoản chi đột xuất cho các hoạt động kỷ niệm 10 năm.

Nhược điểm: chưa tiết kiệm đúng mức, có những khoản chi lãng phí nhưng chưa có biện pháp khắc phục triệt để (điện và nước 2 cơ sở: 709 triệu – bình quân 59 triệu đ/tháng; điện thoại 338 triệu – bình quân

28 triệu đ/tháng,...).

– Tiếp tục duy trì kiểm toán độc lập. Thực hiện Nghị quyết của HĐQT, trường đã thành lập Công ty TNHH một thành viên Phong Châu và tham gia Công ty cổ phần Văn Lang nhằm hỗ trợ việc đa dạng hoá các hoạt động của nhà trường, tăng thêm nguồn thu ngoài học phí.

### **9.Những công tác khác**

– Hợp tác quốc tế: cử 1 đoàn cán bộ đi khảo sát trường đại học NTU (Singapore), tham gia các hoạt động của AUF, của chương trình công nghệ môi trường với Thái Lan và Đức. Từ những hoạt động này, một số ngành của trường thường xuyên có điều kiện cập nhật chương trình đào tạo của các trường đại học tiên tiến, đồng thời tạo điều kiện cho cán bộ của mình nâng cao trình độ.

– Tiếp tục duy trì hỗ trợ cán bộ mượn tiền giải quyết những nhu cầu quan trọng trong đời sống để an tâm hơn trong công tác. Giữ đúng quy định về tăng lương cho những người đến niên hạn và các loại phụ cấp, lần đầu tiên thực hiện thưởng hằng tháng dựa trên kết quả thi đua của năm học trước. Chế độ phúc lợi được duy trì trong điều kiện tài chính rất hạn hẹp của trường.

– Phát huy kết quả đạt được của năm học trước, công tác thi đua được coi trọng và tiếp tục được cải tiến để ngày càng có tác dụng thiết thực.

Trên đây là báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động của trường ta trong năm học 2004 – 2005.

***TS. Nguyễn Dũng  
Hiệu trưởng  
Trường ĐHDL Văn Lang***